VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04288/2025/PKQ (25.1424)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Thời gian lấy mẫu: 11/09/2025
Thời gian thử nghiệm: 11/09/2025 – 19/09/2025
Loại mẫu: Nước thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào tại bể thu gom nhà máy XLNT KCN Nhơn Trạch 5
Toạ độ: X: 1183134 Y: 407956

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ(b)	°C	32,5	SMEWW 2550B:2017
2	Độ màu(b)	Pt/Co	49	SMEWW 2120C:2017
3	pH(b)	-	7,2	TCVN 6492:2011
4	Nhu cầu oxi sinh hoá (BOD_5)(b)	mg/L	39	SMEWW 5210B:2017
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD)(b)	mg/L	82	SMEWW 5220C:2017
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(b)	mg/L	30	SMEWW 2540D:2017
7	Asen (As)(b)	mg/L	0,002	SMEWW 3125B:2017
8	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	SMEWW 3125B:2017
9	Chì (Pb)(b)	mg/L	0,005	SMEWW 3125B:2017
10	Cadimi (Cd)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0001)	SMEWW 3125B:2017
11	Cr^{3+}(b)	mg/L	0,02	SMEWW 3125B:2017 + SMEWW 3500Cr.B:2017
12	Cr^{6+}(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 3500Cr.B:2017
13	Đồng (Cu)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,02)	SMEWW 3111B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
14	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	0,59	SMEWW 3111B:2017
15	Niken (Ni)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	SMEWW 3111B:2017
16	Mangan (Mn)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	SMEWW 3111B:2017
17	Sắt (Fe)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	SMEWW 3111B:2017
18	CN^{-}(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 4500-CN^{-}.C&E:2017
19	Tổng Phenol(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,04)	TCVN 6216:1996
20	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	1,13	SMEWW 5520B&F:2017
21	Sunfua (S^{2-})(b)	mg/L	0,1	TCVN 6637 : 2000
22	Florua (F^{-})(b)	mg/L	0,72	SMEWW 4500-F^{-}.B&D:2017
23	Amoni (NH_4^+ tính theo N)(b)	mg/L	6,2	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
24	Tổng Nitơ(b)	mg/L	15,3	TCVN 6624-2:2000
25	Tổng Photpho(b)	mg/L	0,107	SMEWW 4500-P B&E:2017
26	Clorua (Cl^{-})(b)	mg/L	312	SMEWW 4500-Cl^{-}.B:2017
27	Clo dư(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	SMEWW 4500-Cl^{-}.G:2017
28	Coliform(b)	MPN/100mL	$3,5 \times 10^5$	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 10h05' ngày 11/09/2025
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Hà Nội, ngày 19 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.